TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-PT
Ngày 22/11/2022
"*Vv Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh và ông Bùi Đức Thanh
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLPT-DS ngày 11/10/2022 về việc:"*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2022/QĐ-PT ngày 07/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Tăng Thị B; địa chỉ: tổ 11, khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người đại diện: chị Mai Phương T; địa chỉ: tổ 59, khu 4B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh là người đại diện theo ủy quyền, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/8/2021, có mặt.

2. Bị đơn: bà Trần Thị Tr (tên gọi khác: Ch); địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (Viết tắt là UBND thành phố H); địa chỉ trụ sở: số 3 B, phường HG, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: bà Lưu Hải Y - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, kiêm Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số: 11570/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H, có mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Tăng Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Tăng Thị B trình bày:* ngày 22/7/2010, ông Lý Công T và bà Nguyễn Thị D đã chuyển nhượng cho tôi quyền sử dụng đất diện tích 35,2m^2 thửa số 59, tờ bản đồ số 46; địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng quyền sử dụng đất số Đ42068 do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 27/9/2004. Về nguồn gốc của thửa đất này là từ năm 1971, gia đình ông T được Công ty cơ khí H1 thanh lý. Tuy nhiên, ngoài phần diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên thực tế diện tích đất sử dụng còn có thêm phần sân và bếp có diện tích 26,4m^2. Do đó năm 2019, tôi đã làm thủ tục xin cấp bổ sung quyền sử dụng đối với diện tích đất 26,4m^2. Đến ngày 22/12/2019, Uỷ ban nhân dân thành phố H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 037644, số vào sổ cấp GCN:CH38245 với diện tích đất 54,5m^2 thửa đất số 128, tờ bản đồ số 77 mang tên người sử dụng đất bà Tăng Thị B.

Tại thời điểm tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông T, giữa nhà ông T và nhà bà Tr có một bức tường do Công ty cơ khí H1 xây từ trước thời điểm thanh lý cho vợ chồng ông T. Khi xây nhà, vợ chồng ông T và bà Tr đã xây cách bức tường 10cm để ngăn không cho nước ngấm vào tường. Đến năm 2016, bà Tr xây lại nhà, đã tự ý phá bỏ bức tường chung, xây chồng lấn lên phần diện tích của bức tường này và xây cả lên phần diện tích đất 10cm mà ông T để trống trước đó. Tôi không đồng ý nhưng bà Tr vẫn cố tình thực hiện hành vi lấn chiếm.

Năm 2017, tôi mời cơ quan đo đạc khảo sát hiện trạng sử dụng đất thì thấy bà Tr đã xây chồng lấn lên đất của tôi 0,6m^2. Ngoài ra, bà Tr còn lợp mái tôn lên phần đất 0,6m^2 này. Ủy ban nhân dân phường C, đã hòa giải tranh chấp đất đai giữa tôi và bà Tr nhưng không T. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tr phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0,6m^2 và buộc bà Tr phải tháo dỡ toàn bộ công trình gắn liền với phần diện tích đất 0,6m^2, khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị Tr trình bày:* hiện nay tôi đang quản lý và sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46; địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 768582, số vào sổ cấp GCN 19910, do Uỷ ban nhân dân thành phố H cấp ngày 04/11/2005 mang tên người sử dụng đất bà Trần Thị Tr. Nguồn gốc của thửa đất là do tôi được Công ty cơ khí H1 thanh lý từ năm 1979. Năm 1996, nhà bên cạnh là vợ chồng ông T đã xây 01 căn nhà 03 tầng; gia đình ông T và gia đình tôi đã cùng nhau xây bức tường chung ngăn giữa hai nhà, bức tường dài khoảng 3m cao 1,3m, cạnh đó là sân và căn nhà cấp 4 của tôi. Năm 2016, tôi đã phá căn nhà cấp 4 để làm sân và xây căn nhà 03 tầng. Quá trình hòa giải tại địa phương, cán bộ Ủy ban nhân dân phường C đã trực tiếp xuống đo lại thì tôi vẫn xây dựng đúng theo diện tích đất được cấp. Trên sân thượng, tôi có lợp tôn tại điểm tiếp giáp khe hở giữa hai nhà để nước mưa không ngấm vào tường cho cả hai gia đình và trong buổi hòa giải, cán bộ địa phương cũng cho rằng hợp lý. Tôi không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị B.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H, bà Lưu Hải Y trình bày:* diện tích đất lưu không giữa thửa đất của bà B và thửa đất của bà Tr chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc thửa đất số 58 tờ bản đồ số 46, đăng ký tên bà Trần Thị Tr. Ngày 04/11/2005, UBND thành phố H cấp cho bà Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 768582, số vào sổ cấp GCN 19910 với diện tích 61,8m^2 đất ở nhưng chưa cấp hết diện tích thửa đất theo trích lục địa chính do có một phần dự kiến vào quy hoạch cống thoát nước, trong đó có phần diện tích đất giáp thửa đất của bà B. Như vậy, phần diện tích lưu không chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Tr. Bà Tr cần phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để được xem xét cấp bổ sung vào diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây.

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2021, kèm theo bản đồ đo đạc khảo sát hiện trạng tài sản tranh chấp, thể hiện:*

-Về diện tích đất tranh chấp: diện tích đất lưu không nằm giữa thửa đất của bà B và bà Tr chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo tờ bản đồ địa chính nằm trong thửa đất số 58 tờ bản đồ số 46 (thửa đất đăng ký tên bà Tr) là 2,0m^2. Tuy nhiên theo hiện trạng thì chỉ còn là 1,55m^2 do hai gia đình đã lấn chiếm, cụ thể:

+ Diện tích thửa đất số 58 đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 768582, số vào sổ cấp GCN 19910 ngày 04/11/2005 mang tên người sử dụng đất bà Trần Thị Tr là 61,8m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,1) nhưng thực tế bà Tr đã sử dụng vượt quá diện tích đất được cấp là 0,4m^2 được giới hạn bởi các điểm (10,16,17,10).

+ Diện tích thửa đất số 128 đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 037644 ngày 20/12/2019 mang tên người sử dụng đất bà Tăng Thị B là 54,5m^2 được giới hạn bởi các điểm (11,12,13,14,15,11) nhưng thực tế bà B đã sử dụng vượt quá diện tích đất được cấp là 0,05m^2 được giới hạn bởi các điểm (12,18,19,12).

-Về tài sản trên đất: gia đình bà B và bà Tr đều xây nhà 03 tầng bê tong, cốt thép trên đất.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158, Điều 150, Điều 271, Điều 273, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166, Điều 203 Luật đất đai. Điều 2 Luật người cao tuổi; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị B, về việc buộc bị đơn bà Trần Thị Tr phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0,6m^2 tại tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tháo dỡ toàn bộ công trình trên phần đất lấn chiếm, khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

- Ngày 12/8/2022, nguyên đơn bà Tăng Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Tăng Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn bà Tăng Thị B trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ kháng cáo: Tòa án không xem xét và đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong vụ án mà chỉ căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ để xét xử; không mời ông Lý Công T làm người làm chứng, không đánh giá xem xét các tài liệu, chứng cứ chứng minh tôi đã mua và sử dụng ổn định lâu dài đối với diện tích đất 0,6m^2 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của tôi.

- Bị đơn bà Trần Thị Tr (tên gọi khác: Ch) trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: tôi giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Qua nghe chủ tọa phiên tòa phân tích hòa giải, tôi rất muốn cùng bà B thỏa thuận giải quyết tranh chấp với nhau theo hướng cho bà B diện tích đất đang tranh chấp nhưng bà B không đồng ý. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tăng Thi Bình.

- Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H, là bà Lưu Hải Y trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo: phần đất lưu không giữa thửa đất của nhà bà B và nhà bà Tr thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46 (thửa đất đăng ký tên bà Tr). UBND thành phố H giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Tăng Thị B.

- Các đương sự, Đại diện Viện kiểm sát đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị B là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của bà Tăng Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Tăng Thị B làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bà Tăng Thị B chấm dứt việc ủy quyền cho chị Mai Phương T; chị Mai Phương T chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Tăng Thị B:

[2.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị B, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*, người bị kiện và đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tại tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự.

[2.2] Về nội dung: nguyên đơn bà Tăng Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị Tr phải trả lại phần quyền sử dụng đất lấn chiếm có diện tích 0,6m^2, tháo dỡ toàn bộ công trình gắn liền với đất và khôi phục lại hiện trạng ban đầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng xác định phần quyền sử dụng đất diện tích 0,6m^2 mà bà Tăng Thị B cho rằng bà Trần Thị Tr lấn chiếm của bà Tăng Thị B là diện tích đất nằm trong phần đất lưu không giữa quyền sử dụng đất diện tích 54,5m^2 thuộc thửa đất số 128, tờ bản đồ số 77 (trước đây là thửa số 59, tờ bản đồ số 46); địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng quyền sử dụng đất số CH 38245 do UBND thành phố H cấp ngày 20/12/2019 mang tên người sử dụng đất bà Tăng Thị B và quyền sử dụng đất diện tích 61,8m^2 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46; địa chỉ: tổ 3 khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng quyền sử dụng đất số AD 768582 do UBND thành phố H cấp ngày 04/11/2005 mang tên người sử dụng đất bà Trần Thị Tr.

Căn cứ bà Tăng Thị B cho rằng bà Trần Thị Tr đã lấn chiếm vào phần quyền sử dụng đất lưu không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Tăng Thị B là: từ năm 2010, khi bà Tăng Thị B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lý Công T thì đã có xây bức tường ngăn trên đất và bức tường này nằm trong quyền sử dụng đất bà Tăng Thị B nhận chuyển nhượng và cho rằng kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thực hiện chưa chính xác, chưa phản ánh đúng khách quan nhưng bà Tăng Thị B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh.

Theo Công văn số: 1446/TNMT ngày 30/11/2021 và quan điểm của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H, xác định: căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Tăng Thị B và bà Trần Thị Tr; tờ bản đồ địa chính thửa đất số 128 (trước đây là thửa đất số 59) đăng ký tên bà Tăng Thị B và tờ bản đồ địa chính thửa đất số 58 đăng ký tên bà Trần

Thị Tr, được đo vẽ xác lập năm 1998 và 2017, thì phần quyền sử dụng đất lưu không có diện tích 0,6m^2 giữa nhà bà Tăng Thị B và nhà bà Trần Thị Tr, là nằm trong quyền sử dụng đất diện tích 61,8m^2 thuộc thửa đất số 58 thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị Tr; không nằm trong thửa đất số 59, tờ bản đồ số 46 có diện tích là 35,2m^2 mà ông Lý Công T chuyển nhượng cho bà Tăng Thị B năm 2010 và cũng không nằm trong diện tích 26,4m^2 mà năm 2019, bà Tăng Thị B đã được cấp quyền sử dụng đất bổ sung. Ngày 04/11/2005, UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 768582, số vào sổ 19910 mang tên người sử dụng đất bà Trần Thị Tr nhưng chưa cấp hết diện tích thửa đất theo trích lục địa chính, là do có một phần dự kiến vào quy hoạch cống thoát nước, trong đó có phần diện tích giáp quyền sử dụng đất của bà Tăng Thị B. Như vậy, phần diện tích lưu không chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị Tr.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, đã lồng ghép tờ bản đồ địa chính, sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng đất bà Tăng Thị B, bà Trần Thị Tr và hiện trạng sử dụng đất của bà Tăng Thị B, bà Trần Thị Tr. Kết quả phù hợp với quan điểm của UBND thành phố H nêu trên, thể hiện như sau: phần quyền sử dụng đất lưu không chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa quyền sử dụng đất của bà Tăng Thị B và bà Trần Thị Tr có diện tích là 2.0m^2, diện tích đất này nằm trong thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46 là thửa đất đăng ký tên bà Trần Thị Tr. Về thành phần, trình tự, thủ tục, nội dung xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án đã đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự: có sự tham gia của đại diện Uỷ ban nhân dân phường C, đại diện của tổ dân khu phố, bà Tăng Thị B có ở nhà tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng không tham gia (thể hiện tại bản ảnh kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ); người đại diện theo ủy quyền của bà Tăng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; về phương pháp đo đạc bằng máy (toàn đạc); kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được lập thành văn bản. Các đương sự đã được Tòa án thông báo về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà B có đơn đề nghị về việc bà B và người đại diện theo ủy quyền không tham gia; các đương sự được sao chụp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến, khiếu nại gì.

Căn cứ kết quả đo đạc trên thực tế, xác định: bà Tăng Thị B đã sử dụng vượt quá diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,05m^2 được giới hạn bởi các điểm (12,18,19 đến 12) của Sơ đồ khảo sát hiện trạng (bút lục 95) và phần diện tích đất sử dụng vượt quá này nằm trong phần diện tích đất lưu không thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46 đăng ký tên bà Trần Thị Tr; bà Trần Thị Tr cũng sử dụng vượt quá diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 0,4m^2 được giới hạn bởi các điểm (10,16,17 đến 10) của Sơ đồ khảo sát hiện trạng (bút lục 95) và phần đất bà Trần Thị Tr sử dụng vượt quá nằm trong diện tích đất lưu không thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 46 đăng ký tên bà Trần Thị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Tr có quan điểm giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất, không có yêu cầu gì về nội dung này.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị B không được Tòa án chấp nhận; bà Tăng Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Tăng Thị B.

[2.4] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tăng Thị B không được Tòa án chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Tăng Thị B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng (đã nộp đủ).

Từ nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Tăng Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bà Tăng Thị B, không được Tòa án chấp nhận, bà Tăng Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Tăng Thị B.

[4] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Tăng Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị B, về việc buộc bà Trần Thị Tr (tên gọi khác: Ch) phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 0,6m^2 tại địa chỉ: tổ 3, khu 1, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh và tháo dỡ toàn bộ công trình trên diện tích đất lấn chiếm, khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

[2] Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Tăng Thị B. Trả lại bà Tăng Thị B 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền

tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003822 ngày 20/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Về chi phí tố tụng: bà Tăng Thị B phải chịu 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh **Bùi Đức Thanh** **Nguyễn Thúy Hằng**